

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÝ NHÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST

Ngày 20 - 5 - 2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Kiệm và ông Phạm Quốc Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Trung - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đức Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Vũ Đức H, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn 2, xã S, thị xã Q, tỉnh N; có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1982; địa chỉ: Số nhà 28, đường T, tổ dân phố V, thị trấn V, huyện L, tỉnh H; có mặt.

3. *Người làm chứng:* Bà Trần Thị Bích Y, sinh năm 1959; địa chỉ: Số nhà 28, đường T, tổ dân phố V, thị trấn V, huyện L, tỉnh H; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/11/2021, bản khai, lời khai của anh Vũ Đức H; lời khai của chị Trần Thị Thu H và các tài liệu lưu tại hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Đức H và chị Trần Thị Thu H lấy nhau là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Sông Khoai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh ngày 17/4/2006. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn.

Theo anh Vũ Đức H: Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2007, nguyên nhân do chị H không có công ăn việc làm, không có tính kiên trì nên làm công

việc gì dài nhất chỉ được khoảng 02 tuần thì bỏ việc. Chị H là người sống vô tâm, không biết chăm sóc con cái và gia đình. Năm 2009 anh đi làm về nhà của chị H không dọn, con không đón, anh nói thì chị H đập đồ dùng của gia đình, bức tức anh có tát cho chị H mấy cái. Từ khi lấy nhau đến nay vợ chồng anh mâu thuẫn liên tục không có tình cảm với nhau, việc ai người đó làm. Đến tháng 6/2020 chị H cắt khẩu về quê Hà Nam (về nhà bố mẹ đẻ chị H) từ đó đến nay vợ chồng anh ly thân không ai còn quan tâm đến ai. Anh xác định cuộc sống hôn nhân của vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, đề nghị Toà án giải quyết cho anh và chị Trần Thị Thu H được ly hôn.

Theo chị Trần Thị Thu H: Sau ngày cưới chị không đi làm mà ở nhà chăm sóc gia đình, do không có việc làm nên anh H coi thường và gây áp lực trong cuộc sống với chị. Từ khi kết hôn đến nay vợ chồng chị không chia sẻ với nhau trong cuộc sống, anh H làm việc nhà nước còn chị ở nhà chăm sóc con cái gia đình. Chị nghe mọi người nói anh H ngoại tình với người phụ nữ khác nhưng chị không có bằng chứng gì, chị nói chuyện anh H ngoại tình với bố mẹ chồng nhưng anh H vẫn không thay đổi. Đến đầu năm 2020 chị chuyển khẩu về Hà Nam để xin việc và sinh sống từ đó đến nay. Vợ chồng chị đã ly thân từ tháng 6/2020, hiện chị không còn tình cảm vợ chồng với anh H, nhưng vì con cái, chị không muốn các con không có bố nên chị không đồng ý ly hôn với anh H.

- *Về con chung*: Anh Vũ Đức H và chị Trần Thị Thu H có 02 con chung là cháu Vũ Lan A, sinh ngày 15/3/2007 và cháu Vũ Ngọc A1, sinh ngày 19/3/2015; hiện 02 cháu đang ở cùng chị Trần Thị Thu H tại số nhà 28, Tr, tổ dân phố V, thị trấn V, huyện L, tỉnh H.

Anh Vũ Đức H có ý kiến: Trường hợp ly hôn anh có nguyện vọng nuôi cả 02 cháu Vũ Lan A và Vũ Ngọc A1, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Trần Thị Thu H có ý kiến: Chị không đồng ý ly hôn với anh H, trường hợp ly hôn chị có nguyện vọng nuôi 02 con; chị yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản và công nợ, các vấn đề khác*: Anh Vũ Đức H và chị Trần Thị Thu H đều không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của bà Trần Thị Bích Y: Việc anh H, chị H lấy nhau là tự nguyện, quá trình vợ chồng chung sống cũng có xảy ra mâu thuẫn. Tháng 06/2020 chị H cùng hai con chuyển về chung sống với gia đình bà, trong thời gian này anh H có gửi tiền về để nuôi con nhưng vợ chồng không còn quan hệ tình cảm. Gia đình mong anh chị về đoàn tụ còn anh H muốn ly hôn thì do anh chị tự quyết định. Trường hợp Toà án giao con cho chị H nuôi dưỡng thì gia đình sẽ có trách nhiệm cùng chị H nuôi dưỡng các cháu.

Toà án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng không thành.

Tại phiên toà:

- Anh Vũ Đức H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị Thu H; về con chung đề nghị giao cả hai con chung cho chị H nuôi dưỡng, anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho chị H mỗi tháng 3.000.000 đồng.

- Chị Trần Thị Thu H đề nghị vợ chồng đoàn tụ, trường hợp ly hôn chị đồng ý giải quyết về con chung như quan điểm của anh H trình bày.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có quan điểm: Về tố tụng, người tiến hành tố tụng và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; về việc giải quyết vụ án: Đề nghị xử lý hôn giữa anh Vũ Đức H và chị Trần Thị Thu H. Về con chung, chấp nhận thoả thuận của các đương sự, giao cháu Vũ Lan A và Vũ Ngọc A1 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng; anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho chị H mỗi tháng 3.000.000 đồng cho cả hai cháu. Nguyên đơn chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát; ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của anh Vũ Đức H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Vũ Đức H và chị Trần Thị Thu H là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị H không có việc làm, vợ chồng tính nết không hợp nhau, chị H nghi ngờ anh H ngoại tình với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn kéo dài nhiều năm nay. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2020 đến nay không còn quan tâm đến cuộc sống chung; tại phiên toà anh H vẫn cương quyết xin ly hôn, chị H đề nghị vợ chồng đoàn tụ nhưng lời khai của chị H tại toà án cũng xác định vợ chồng không còn tình cảm. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy giải quyết ly hôn giữa anh Vũ Đức H và chị Trần Thị Thu H là phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Anh Vũ Đức H và chị Trần Thị Thu H có 02 con chung là cháu Vũ Lan A, sinh ngày 15/3/2007 và cháu Vũ Ngọc A1, sinh ngày 19/3/2015; hiện 02 cháu đang ở cùng chị H.

Quá trình giải quyết vụ án cả anh H và chị H đều đề nghị được nuôi cả hai con chung. Tại phiên toà, anh H và chị H thoả thuận giao hai con chung cho chị

H tiếp tục nuôi dưỡng, anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho chị H mỗi tháng 3.000.000 đồng cho cả hai cháu. Xét thấy thoả thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và nguyện vọng xin được ở với mẹ của cháu Lan A và Ngọc A1, đồng thời không làm ảnh hưởng đến sinh hoạt học tập cũng như tâm lý của con chưa thành niên, nên thoả thuận của các đương sự được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Anh Vũ Đức H và chị Trần Thị Thu H đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Vũ Đức H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Vũ Đức H và chị Trần Thị Thu H.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Lan A, sinh ngày 15/3/2007 và cháu Vũ Ngọc A1, sinh ngày 19/3/2015 cho chị Trần Thị Thu H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh Vũ Đức H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị H mỗi tháng 3.000.000 (Ba triệu) đồng (Mỗi cháu 1.500.000) đồng, kể từ tháng 05/2022 cho đến khi các cháu Lan A và Ngọc A1 đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm: Anh Vũ Đức H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng và 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân

theo biên lai số AA/2015/0000999 ngày 01/12/2021, anh H còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Vũ Đức H và chị Trần Thị Thu H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện Lý Nhân;
- UBND xã Sông Khoai, TX Quảng Yên, Tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Quốc Huy